

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2020/DS-PT  
Ngày 21-8-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội Đ xét xử phúc thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Hải Vinh
- *Các Thẩm phán:* Ông Đặng Văn Quyết  
Ông Nguyễn Xuân Thọ
- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.
- *Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:* Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/TLPT-DS ngày 16/06/2020 do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130 ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giữ các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975, (có mặt).  
Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- **Đ bị đơn:** 1/ Ông Vũ Tất Th, sinh năm 1979, (có mặt).  
2/ Bà Triệu Thị H, sinh năm 1984, (vắng mặt).  
Địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**  
1/ Bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1978, (có mặt).  
Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang..  
Người kháng cáo ông Vũ Tất Th.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2019 và các lời khai tiếp sau, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Do có quan hệ gia đình, nên trong ngày 14/9/2016 vợ chồng ông Th, bà H có vay của vợ chồng ông Đ, bà Th số tiền là 390.000.000Đ; mục đích vay để làm kinh tế gia đình; thời hạn trả vào ngày 30/12/2016, khi vay có viết giấy

biên nhận vay tiền do ông Th, bà H cùng ký vào mục “Người vay” vợ, chồng ông cùng ký vào mục “Người cho vay”, giấy vay tiền không ghi lãi suất, nhưng các bên có thỏa thuận miệng vay theo lãi suất Ngân hàng là 1,1%/tháng. Quá trình trả nợ, ông Th, bà H mới trả được 74.000.000Đ tiền gốc, còn nợ lại 316.000.000Đ tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận kể từ khi vay đến nay, mặc dù ông đã đòi nhiều lần nhưng ông Th, bà H cố tình chây ì không chịu trả. Nay ông yêu cầu ông Th, bà H phải trả cho ông số tiền gốc còn nợ là 316.000.000Đ và tiền lãi tính theo lãi suất là 0,75/tháng/tiền gốc còn nợ kể từ ngày 01/01/2017 đến ngày 24/4/2020 là 39 tháng 22 ngày, cụ thể là:  $316.000.000đ \times 0,75\% \times 39 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 94.168.000Đ$ . Tổng tiền gốc + tiền lãi là 410.168.000Đ. Về số tiền 74.000.000Đ đã trả thì ông không yêu cầu tính lãi.

**Tại bản khai ngày 06/01/2020 và các lời khai tiếp sau, bị đơn ông Vũ Tất Th trình bày:** Do quan hệ gia đình, nên trong ngày 14/9/2016 ông cùng vợ là bà H có vay của vợ chồng ông Đ, bà Th số tiền là 390.000.000Đ; mục đích vay là để làm ăn kinh tế gia đình; thời hạn trả ngày 30/12/2016, khi vay có viết giấy biên nhận vay tiền do ông và bà H cùng ký vào mục “Người vay”, giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi suất. Sau khi vay, ông đã trả được số tiền là 81.000.000Đ (khi trả không viết giấy tờ gì) và còn nợ tiền gốc là 309.000.000Đ. Nay ông nhất trí trả ông Đ, bà Th số tiền còn nợ là 309.000.000Đ, nhưng do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, nên ông xin được trả làm nhiều đợt, cụ thể trả 3.000.000đ/tháng đến khi trả xong số tiền còn nợ nêu trên và ông đề nghị ông Đ, bà Th không tính lãi.

**Tại bản khai ngày 06/01/2020 và lời khai tiếp theo bị đơn bà Triệu Thị H trình bày:** Do quan hệ gia đình, nên trong ngày 14/9/2016 bà và ông Th chồng bà có vay của ông Đ, bà Th số tiền là 390.000.000Đ; mục đích vay là để làm kinh tế gia đình; thời hạn trả vào ngày 30/12/2016, khi vay có viết giấy biên nhận vay tiền do bà và ông Th cùng ký vào mục “Người vay”, giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi suất. Sau khi vay, bà và ông Th đã trả được số tiền gốc là 81.000.000Đ (khi trả không viết giấy tờ gì) và còn nợ số tiền vay gốc là 309.000.000Đ. Nay bà nhất trí trả ông Đ, bà Th số tiền còn nợ là 309.000.000Đ, nhưng do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, nên bà xin được trả làm nhiều lần, cụ thể là trả 3.000.000đ/tháng đến khi trả xong toàn bộ tiền gốc còn nợ nêu trên và bà đề nghị ông Đ, bà Th không tính lãi.

**Tại bản khai 06/01/2020 và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Th trình bày:** Do quan hệ gia đình, nên trong ngày 14/9/2016 vợ chồng ông Th, bà H có vay của vợ chồng bà số tiền là 390.000.000Đ; mục đích vay là để làm kinh tế gia đình; thời hạn trả nợ vào ngày 30/12/2016, khi vay có viết giấy biên nhận do ông Th, bà H cùng ký vào mục “Người vay” bà và ông Đ cùng ký vào mục “Người cho vay”, Trong giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi suất, nhưng các bên có thỏa thuận miệng lãi suất vay theo Ngân hàng là 1,1%/tháng. Quá trình trả nợ, ông Th, bà H mới trả được cho bà số tiền gốc 74.000.000Đ, còn nợ

316.000.000Đ tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận. Nay bà Th yêu cầu ông Th, bà H trả cho vợ chồng bà số tiền gốc còn nợ là 316.000.000Đ và tiền lãi tính theo mức lãi suất là 0,75%/tháng/tiền gốc còn nợ kể từ ngày 01/01/2017 đến ngày 24/4/2020 là 39 tháng 22 ngày, cụ thể tiền lãi là:  $316.000.000đ \times 0,75\% \times 39 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 94.168.000Đ$ . Tổng tiền gốc + tiền lãi là 410.168.000Đ. Về số tiền 74.000.000Đ ông Th, bà H đã trả thì bà không yêu cầu tính lãi.

**Tại phiên tòa sơ thẩm:** Bị đơn là ông Th, bà H đều vắng mặt; nguyên đơn là ông Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Th và Kiểm sát viên đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn vì lý do, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa đã công bố các lời khai của bị đơn tại phiên tòa. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thừa nhận với lời khai của bị đơn xác định đã trả được cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 81.000.000Đ và còn nợ số tiền gốc là 309.000.000Đ và nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ông Th, bà H trả số tiền vay gốc còn nợ là 316.000.000Đ và tiền lãi tính theo mức lãi suất 0,75%/tháng/316.000.000Đ tính từ ngày 01/01/2017 đến 24/4/2020, tiền lãi là 94.168.000Đ.

Với những nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định áp dụng Điều 463; khoản 1, khoản 4 Điều 466; khoản 1, khoản 2 Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ đối với Bị đơn ông Vũ Tất Th, bà Triệu Thị H.

Buộc ông Vũ Tất Th, bà Triệu Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thọ tiền vay gốc còn nợ là 316.000.000Đ và tiền lãi là 94.168.000Đ. Tổng tiền gốc và tiền lãi là 410.168.000Đ (Bốn trăm mười triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn Đ).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo. Án xử xong, ngày 15/5/2020 bị đơn Vũ Tất Th nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không tự thỏa thuận về giải quyết vụ án.

Nguyên đơn ông Đ trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Th phải trả ông tiền gốc là 316 triệu Đ và lãi xuất theo quy định của Ngân hàng nhà nước.

Bị đơn ông Th trình bày không nhất trí trả ông Đ 316 triệu Đ tiền gốc vì ông đã trả được 81 triệu Đ, chỉ còn nợ 309 triệu Đ tiền gốc.

Về lãi xuất, ông đề nghị không tính vì khi vay không có thỏa thuận lãi, ông không nhất trí với án sơ thẩm tính lãi.

Bà Hoàng Thị Th trình bày nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của HĐXX là đảm bảo đúng quy định.

Kháng cáo của bị đơn: Không có căn cứ chấp nhận, đề nghị HĐXX bác kháng cáo, y án sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đương sự và của Kiểm sát viên; HĐXX nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** bị đơn ông Vũ Tất Th nộp đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các điều 271, 272, 273 của Bộ luật TTDS, được HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa vắng mặt bà Triệu Thị H không kháng cáo, các đương sự có mặt và Kiểm sát viên đề nghị HĐXX xử vắng mặt bà H, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bà H.

**[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Vũ Tất Th,** HĐXX thấy: Ngày 14/9/2016 ông Th, bà H vay của ông Đ, bà Th số tiền là 390.000.000Đ; mục đích vay để làm kinh tế gia đình; thời hạn trả nợ vào ngày 30/12/2016, khi vay có viết giấy biên nhận vay tiền do ông Th, bà H cùng ký vào mục “Người vay” và ông Đ, bà Th cùng ký vào mục “Người cho vay” Trong giấy vay không thỏa thuận lãi suất. Đến hạn trả nợ; ông Th, bà H mới trả được số tiền vay gốc là 74.000.000Đ, còn nợ lại tiền vay gốc là 316.000.000Đ. Án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, nay ông Th kháng cáo cho rằng đã trả được 81 triệu Đ chỉ còn nợ 309 triệu Đ, nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

- Về yêu cầu trả tiền lãi: Do giấy biên nhận vay tiền không thỏa thuận về lãi suất, nên xác định là trường hợp vay không có lãi. Nay nguyên đơn yêu bị đơn phải trả lãi. Căn cứ vào khoản 4 Điều 466 BLDS năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau “ ***Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*** ”. Tại khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015 quy định về lãi suất như sau “***Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay..***”. Khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 quy định “ ***Trường hợp có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ***

”. Như vậy; nay ông Đ, bà Th yêu cầu trả tiền lãi tính theo mức lãi suất là 0,75%/tháng (dưới 10%/năm), kể từ ngày từ 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/4/2020 là 39 tháng 22 ngày, tiền lãi là  $316.000.000đ \times 0,75\% \times 39 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 94.168.000Đ$ . Án sơ thẩm căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các quy định của pháp luật để tính lãi là đúng pháp luật, nay ông Th kháng cáo đề nghị không tính lãi, phía nguyên đơn ông Đ không nhất trí, do vậy HĐXX không có căn cứ chấp nhận.

Về kháng cáo xin miễn tiền án phí của ông Th, đối chiếu các quy định của pháp luật thì gia đình ông Th không thuộc diện được miễn án phí nên HĐXX không có căn cứ chấp nhận.

Cần bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Tất Th giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 463; khoản 1, khoản 4 Điều 466; khoản 1, khoản 2 Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ đối với Đ bị đơn ông Vũ Tất Th, bà Triệu Thị H.

Buộc ông Vũ Tất Th, bà Triệu Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thọ tiền vay gốc còn nợ là 316.000.000Đ và tiền lãi là 94.168.000Đ. Tổng tiền gốc và tiền lãi là 410.168.000Đ (Bốn trăm mười triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn Đ), ông Vũ Tất Th, bà Triệu Thị H phải chịu 20.406.720đ án phí dân sự sơ thẩm.

[2] Về án phí:

Ông Vũ Tất Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên liên số 0002290 ngày 15/5/2020 tại Chi cục THADS huyện L.

**[4] Về nghĩa vụ thi hành án:** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Trường hợp bản án, quyết định được thi

hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKS tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hải Vinh**